

KHẢO CỨU VỀ TƯ LANG CHÂU SÙNG KHÁNH TỰ CHUNG MINH (1113)

PHẠM LÊ HUY(*) - TRẦN QUANG ĐỨC (**)

MỞ ĐẦU

Theo thống kê mới nhất của sách *Văn bia thời Lý* xuất bản năm 2010⁽¹⁾, hiện nay chúng ta còn lưu giữ được 18 văn bản tư liệu kim thạch văn thời Lý (bao gồm 13 văn bia, 3 mộ chí, 1 minh văn chuông, 1 minh văn bệ tượng Phật). Gần đây, tại Hội nghị Thông báo Hán Nôm học 2012, chúng tôi đã giới thiệu thêm một tư liệu kim thạch văn có niên đại vào thời Lý chưa được đưa vào thống kê nêu trên. Đó là *Tư Lang châu Sùng Khánh tự chung minh* - Bài minh trên quả chuông chùa Sùng Khánh 崇慶寺 thuộc châu Tư Lang 思琅州 (dưới đây viết tắt là SKTCM), có ghi niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 4 (1113) thời Lý Nhân Tông, được chép trong quyển 3 của sách *Việt Tây kim thạch lục*.

Trong quá trình khảo sát tư liệu sau đó, chúng tôi được biết năm 2007, một học giả Trung Quốc là Hoàng Quyền Tài 黃權才 đã nhắc đến sự tồn tại của SKTCM trong bài viết *Văn hóa Phật giáo Quảng Tây thời Đường Tống nhìn*

từ Việt Tây kim thạch lục 從《粵西金石略》看唐宋廣西佛教文化 trên Tạp chí *Quảng Tây văn sử* 廣西文史. Năm 2010, tại Hội thảo "Quá trình xây dựng đế quốc Minh - Thanh và những diễn biến xã hội bản địa của vùng Tây Nam Trung Quốc" 明清帝國的建構與中國西南土著社會的演變 tổ chức tại Đại học Trung Sơn (Quảng Tây), một học giả Trung Quốc khác là Đỗ Thụ Hải 杜樹海 cũng đã đề cập đến SKTCM trong bài phát biểu *Khởi nghĩa Nùng Trí Cao và những chuyển biến lịch sử của khu vực thượng du Tả Giang vùng biên cương Trung - Việt thời Bắc Tống* 北宋儂智高起事與中越邊境左江上游區域歷史的轉變. Ngoài *Việt Tây kim thạch lục*, Đỗ Thụ Hải còn giới thiệu thêm một tài liệu nữa cũng chép lại văn bản SKTCM là sách *Lôi Bình huyện chí* 雷平縣志. Cũng theo Đỗ Thụ Hải, chuông vốn nằm tại một ngôi miếu ở trấn Lôi Bình, huyện Đại Tân 大新縣 (Sùng Tả,

(*) ThS. Đại học KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội.

(**) TS. Viện Văn học.

Quảng Tây), nhưng theo người dân sở tại, cả chuông và miếu đều đã bị phá hủy dưới thời Cách mạng Văn hóa.

Như vậy, Hoàng Quyên Tài và Đỗ Thụ Hải là những nhà nghiên cứu đầu tiên chú ý đến sự tồn tại của SKTCM. Tuy nhiên, do tập trung vào đối tượng nghiên cứu khác, bài viết của hai tác giả này chỉ dừng lại ở mức độ giới thiệu tư liệu một cách giản lược. Trong bài viết của mình, Đỗ Thụ Hải cũng đã đăng tải nội dung minh văn trên cơ sở đối chiếu sơ bộ giữa hai bản *Việt Tây kim thạch lược* và *Lôi Bình huyện chí*. Tuy nhiên, bản của Đỗ Thụ Hải có rất nhiều điểm chưa chính xác, cả về phần văn tự cũng như cách thức ngắt, chấm câu và vì vậy, cần được khảo hiệu kỹ lưỡng hơn. Do chưa tiếp cận được với các nguồn tư liệu của Việt Nam, bài viết của Đỗ Thụ Hải cũng hoàn toàn chưa đề cập, giải quyết được vấn đề vị trí gốc và quá trình lưu lạc của chuông.

Chính vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi sẽ tiến hành hiệu chú lại nội dung SKTCM dựa trên hai bản *Việt Tây kim thạch lược* và *Lôi Bình huyện chí*, đề xuất lại cách đọc cũng như cố gắng đưa ra một bản dịch tiếng Việt chuẩn xác. Trên cơ sở đó, chúng tôi cũng giới thiệu một số tư liệu Việt Nam về lai lịch của chuông, làm rõ vị trí của chùa Sùng Khánh thời Lý cũng như quá trình lưu lạc của chuông từ Việt Nam sang Trung Quốc.

1. KHẢO TẢ VÀ HIỆU CHÚ VĂN BẢN TƯ LANG CHÂU SÙNG KHÁNH TỰ CHUNG MINH

Do chuông đã bị phá hủy nên hiện nay, chúng ta chỉ có thể khảo tả và hiệu chú lại văn bản SKTCM qua ghi chép của hai cuốn sách *Việt Tây kim thạch lược* và *Lôi Bình huyện chí*. *Việt Tây kim thạch lược* 粤西金石略 (15 quyển) nguyên là phần *Kim thạch văn* của bộ sách *Quảng Tây thông chí* (128 quyển) do học giả - nhà phương chí học nổi tiếng Trung Quốc đời Thanh là Tạ Khải Côn 謝啓昆 (1737-1802) chủ trì biên soạn. Trước khi hoàn thành *Quảng Tây thông chí* vào tháng 4 năm 1801, Tạ Khải Côn đã lấy riêng phần *Kim thạch văn* in trước thành sách và lấy tên là *Việt Tây kim thạch lược*. *Lôi Bình huyện chí* là bộ địa phương chí về huyện Lôi Bình do Lương Minh Lâm 梁明倫 biên soạn và được phát hành dưới dạng bản chép tay năm 1946 (Dân Quốc 35). Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng bản *Việt Tây kim thạch lược* in trong bộ *Trung Quốc Tây Nam văn hiến tùng thư* của Nxb. Đại học Lan Châu (dưới đây gọi tắt là *Việt bản* 越本)⁽²⁾ và bản *Lôi Bình huyện chí* được in lại trong bộ *Trung Quốc phương chí tùng thư* do Nxb. Thành Văn (Đài Loan) ấn hành (dưới đây gọi tắt là *Lôi bản* 雷本)⁽³⁾.

Trong quá trình khảo sát văn bản, chúng tôi nhận thấy giữa *Việt bản* và *Lôi bản* có nhiều điểm xuất nhập, dị biệt với nhau. Do tính chất của một bản chép tay, *Lôi bản* có nhiều chữ hoặc bị mờ, hoặc rất khó đọc. Trong khi đó, nếu *Việt bản* là một bản khắc in, không còn để lại bất cứ dấu vết gì về hình thức của văn bản gốc, *Lôi bản* lại có một ưu điểm là lưu lại khá nhiều đặc điểm về mặt hình thức của bài minh gốc. Đó là các đoạn khuyết

tự 闕字 (bỏ trống một chữ để tỏ ý tôn kính, ví dụ trước các chữ "tiên hậu", "kim thượng", "đương kim hoàng đế"...) và một số chữ dị thể. Đây sẽ là những yếu tố quan trọng làm căn cứ để chúng ta khảo tả, hiệu chú lại văn bản một cách chính xác hơn. Trong bài viết này, chúng tôi chọn *Việt bản* là bản nền 底本 để tiến hành hiệu chú.

Chúng tôi cũng phát hiện ra rằng tác giả bài minh đã trích dẫn khá nhiều nội dung của *Tục Cao tăng truyện* 續高僧傳, do sư Đạo Tuyên 道宣 (596-667) soạn năm 645, và đặc biệt là *Biện chính luận* 辯正論, do sư Pháp Lâm 法琳 (572-640) soạn vào thời Đường. Đây là những tư liệu rất quan trọng giúp chúng ta có thể hiệu chính văn bản một cách chính xác. Ngoài ra, chúng tôi cũng tham khảo thêm về mặt tự dạng và cách viết của một số văn bia đương thời, tiêu biểu như *Cổ Việt thôn Diên Phúc tự bi minh* (1157).

a. Khảo tả chuông chùa Sùng Khánh

Theo *Việt Tây kim thạch lược*, chuông cao 4 thước 2 tấc (khoảng 134,4cm⁽⁴⁾), miệng rộng 3 thước 1 tấc (99,2cm). Bài minh trên chuông có thể tạm chia làm 4 phần. Phần tiêu đề có 8 chữ *Tu Lang châu Sùng Khánh tự chung minh tịnh tự* 思琅州崇慶寺鐘銘并序 (viết theo thể chữ khải - chân, rộng 6 phân = 19,6mm). Trước đây, chúng tôi cho rằng "tịnh tự" là hai chữ mới thêm vào đời sau, tuy nhiên khi so sánh với bia *Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh* (1118), *Cổ Việt thôn Diên Phúc tự bi minh* (1157) cũng có chữ "tịnh tự" trong phần tiêu đề, chúng tôi nhận định rằng "tịnh tự" vốn là hai chữ có trong minh văn gốc.

Phần mở đầu, có 87 chữ (chữ khải, 4 phân = 12,8mm), giới thiệu về việc Thứ sử châu Phú Lương, kiêm Tiết độ Quán sát sứ các châu Quảng Nguyên, Tu Lang là Dương Cảnh Thông 楊景通 cúng 7 nghìn cân đồng để đúc hồng chung.

Phần chính văn, có hơn 750 chữ (chữ khải, 6 phân), giới thiệu về dòng họ, lai lịch của Dương Cảnh Thông, việc Dương Cảnh Thông được lấy công chúa Thọ Dương cũng như mục đích của việc đúc chuông là cầu phúc cho "kim thượng" - "đương kim hoàng đế" (tức Lý Nhân Tông) và "Thánh Thiện Hoàng thái hậu" (Linh Nhân Hoàng Thái hậu Ý Lan).

Tại phần chính văn, điểm đáng chú ý là trong *Lôi bản* có một đoạn ngắn với rất nhiều chỗ xuống dòng. Cụ thể, từ chữ "chú chung chủ" 鑄鐘主 ở đầu đoạn thứ hai, sau 129 chữ thì xuống dòng đột ngột trước chữ "Tiên hậu" 先后, sau đó 39 chữ đến chữ "thượng" 尚 lại xuống dòng đột ngột, đầu dòng sau là chữ "Thọ Dương công chúa" 壽陽公主, sau 18 chữ lại xuống dòng đột ngột, đầu dòng sau là chữ "Kim thượng" 今上. Đối với những chỗ xuống dòng như vậy, chúng ta thường có xu hướng cho đó là phép bình xuất 平出 (xuống dòng để thể hiện ý tôn kính). Tuy nhiên cũng trong *Lôi bản*, ở đoạn sau, trước chữ "đương kim hoàng đế" 當今皇帝 lại không thấy xuống dòng mà chỉ để khuyết tự. Hơn nữa, nếu tham khảo văn bia *Cổ Việt thôn Diên Phúc tự bi minh* hay *Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự minh* là các văn bia được biên soạn cùng thời, chúng ta cũng không quan sát được hiện tượng bình xuất mà chỉ có khuyết tự, ngay cả với hoàng đế. Do vậy, chúng tôi suy đoán

(37)公入覲，默中宸衷，俯膺眷顧，可作⁽³⁸⁾東祖，涓晨⁽³⁹⁾滌吉，禮尙■壽陽公主⁽⁴⁰⁾，顯承優渥。鄉閭欽美，族閤增輝，仍蒙■今上⁽⁴¹⁾禮待殊異，薦⁽⁴²⁾加榮秩。總轄陬陔，嘉謀碩畫，萬舉萬全，威怯朔塞，玉關靜析，兵戎奠枕，□庶息肩，治定功成⁽⁴³⁾，務修勝果，內詳妙⁽⁴⁴⁾理，外貴梵宮⁽⁴⁵⁾，思報四恩，默起願。乃於司凜山之間，周圍峭⁽⁴⁶⁾，繳遠嵐煙，氣爽物妍，源虛⁽⁴⁷⁾景，蒞崇莽蔓⁽⁴⁸⁾，芟荆荆榛，忖度延袤，倩賃班輪，治斲杞梓，定矣方中，精而擇向，憑危跨谷，接棟連霄，香閣禪龕，依巖架⁽⁴⁹⁾，花藥⁽⁵⁰⁾之芳掩被錦，丹青之飾亂朝霞⁽⁵¹⁾，玉題含翠，壁璫耀彩，丹楹捧日，畫拱承雲⁽⁵²⁾，林開七境之花，池注八功之水⁽⁵³⁾，壹壹⁽⁵⁴⁾靡侈，種種莊嚴，妙相金容，若如來在西天⁽⁵⁵⁾儂先之踞東⁽⁵⁶⁾朔。瞻思琅⁽⁵⁷⁾之宇衙，便□氏⁽⁵⁸⁾之護持⁽⁵⁹⁾，獲旦夕之敬禮，必彰梵醮⁽⁶⁰⁾，庸警輿迷，遂乃和將⁽⁶¹⁾泉布，散鬻辛□，速鳧氏⁽⁶²⁾之運謀，稽陶冶⁽⁶³⁾之彝範⁽⁶⁴⁾，飛廉敷揚，回⁽⁶⁵⁾祿威熾，庚物液轉以滾沸，商金踴躍而窺⁽⁶⁶⁾流，均薄中規，侈奔合度，妙葩發其脣脣，雙⁽⁶⁷⁾蚪挈其頂巔，扛綽⁽⁶⁸⁾寶樓，無庸隙，鯨魚啓擊⁽⁶⁹⁾，鉤然飛韻⁽⁷⁰⁾，洋溢⁽⁷¹⁾萬壑，巨浹六虛，窅窅清涼，劍輪消弭，援拯塗炭，祛屏饕餮，傳於後裔，用至追蠡。儻非妙法焉如是哉！上祝■當今皇帝，蘿圖綿茂，■寶祚⁽⁷²⁾恬昌，坤厚博臨，乾剛永運。次爲聖善皇太后⁽⁷³⁾，道邁握登，壽逾附寶。仍薦壽陽公主⁽⁷⁴⁾，寶花臺上，永證於菩提，善法堂中，同登於王覺。兼祝■考妣⁽⁷⁵⁾二親及諸眷等，沐此良緣，永超淨土⁽⁷⁶⁾。欽禱鐘主太傅楊公洎令嗣郎□而降⁽⁷⁷⁾，辜消釋，

戢穀駢臻。鐘成，宜製文以彰於後。僕自量孱瑣，不知所裁，輒敢銘曰：

寶坊□構已精闕，法相金容極妙妍，梵韻⁽⁷⁸⁾宣揚警大千，咸激沈潛仍幽淵，心勤形瘵皆忻然，憔悴□擔兼息肩，解脫面縛與倒懸，鑊湯熾爨消沸煎，鑄鐘之主福無邊，延齡千載守藩宣，

會祥大慶肆年正月拾伍日記

廣教圓明寺洪讚大師釋延壽刊

丞務郎校書省臣楊文挺書

戶部員外郎充
集賢院學士賜紫金魚袋臣曹良輔撰

Bản dịch:

Bài minh cùng lời tựa trên chuông chùa Sùng Khánh châu Tư Lang

Phủ trung bảo tiết, Tá lý công thần, Thứ sử châu Phú Lương kiêm Tiết độ quan sát sứ các châu Quảng Nguyên, Tư Lang, Kim tử Vinh lộc Đại phu – Kiểm hiệu Thái phó kiêm Ngự sử Đại phu, Đồng Trung thư Môn hạ Bình chương (sự) – [...] Hoàng Nông quận Khai quốc công, thực ấp một vạn hộ, thực phong năm nghìn hộ⁽⁷⁹⁾ Dương Cảnh Thông đặc biệt bỏ ra đồng tình hơn bảy ngàn cân, tạo chuông lớn một quả, lưu lại cúng dường.

Vốn lành: thấu suốt âm dương, quán thông động tĩnh. Thấu thịt da dặng nung cốt tủy, len huyết mạch để dấy tinh thần. Trăm quan hài hòa, muôn loài hướng hóa, chẳng lia gốc diệu, động thường lặng yên. Lớn thay thanh âm, cần khôn lấy Chấn đứng đầu lục tứ⁽⁸⁰⁾; thức tỉnh mê man, thánh nhân dùng nhạc điều hòa tứ thời⁽⁸¹⁾. Si ngọc mừng vui, tiếng chuông phẫn chấn, răn đe muôn việc, khai ngộ ác tà. Gồm thâu mười hai

khúc hòa⁽⁸²⁾, trái khắp ba ngàn thế giới⁽⁸³⁾. Sáng soi u tối, chứa đựng phép màu. Thật tốt đẹp vậy!

Người chủ trương việc đúc chuông là Phò (mã) lang, người sáng lập nước Quắc⁽⁸⁴⁾ vậy. Nhà ông thuộc (châu) Thái Bình, vốn dòng quý hiển, tiên tổ có công, rủ lãnh tích thiện. Hiển (tổ) là Thượng thư Bộ Binh, đạo vượt quần anh, oai kinh tứ chiếng. Cao tổ chức Thái phó, sơn sắt cản mực, tiết tháo sạch trong, sinh ra Định (tổ), húy là Nhật Đăng: thẳng thắn chính trực, mưu tính sâu xa, làm đến Thái bảo. Thái vương phụ húy Khuông, tu tập nhân lành, chức rớt Thái phó. Vương phụ húy Huệ Doanh, văn từ hoa lệ, điển tịch nắm quyền, trước thuật uyên thâm, quét tan a đảng, sinh được ba con. Ông là con út, đáng vẽ kỳ vĩ, dung nghi rạng ngời. Hạnh ngộ tiên vương⁽⁸⁵⁾, tuy có hoàng nữ được yêu chuộng, lẽ nên ban gả cho phiên thân, liền triệu ông vào châu, ngầm hợp lòng trên, gia ơn quyến cố, đáng làm rể quý, chọn lựa ngày lành, làm lễ gả công chúa Thọ Dương, tỏ lòng biệt đãi. (Thế là) xóm làng ca ngợi, họ tộc vẻ vang, lại đội ơn đức kim thượng lễ đãi khác thường, gia phong phẩm trật. Giữ vùng quan ải, mưu lạ chước màu, muôn việc vẹn toàn, oai rền biên tái. Ngọc quan giữ vững, binh hỏa lặng yên, dân chúng thành thoi, công thành trị định, chuộng tu quả phúc, trong thấu lẽ màu, ngoài tô điện phạt, nhớ đền bốn ơn, ngầm phát nguyện lớn.

Bèn ở khoảng núi Tư Lãm, bốn bề chót vót, vây bọc khói lam, khí tốt vật tươi, nguồn thiêng cảnh đẹp, gom chất cỏ hoang, phạt quang gai góc, tính đo dài rộng, thuê mướn thợ lành, dẫn gỗ hạ

cây, đặt nơi chính giữa, chọn tinh phương hướng, tựa vách băng khe, kèo cột liền trời, gác hương điện Bụt, bắc núi kê non. Hương nhị thắm lẫn sắc gấm phoi, nét đan thanh rói màu mây sớm. Đòn ngà ngậm biếc, ngói ngọc phô tươi, củng vẽ đội mây, đầu sơn nâng ác, rừng nở bông hoa thất giác, ao tuôn dòng nước bát công. Đẹp đẽ đủ bề, trang nghiêm mọi vẻ, mặt vàng tương diệu, tựa Như Lai ở Tây Thiên, Nùng Tiên tựa Đông Sóc⁽⁸⁶⁾. Trông ra phủ thụ Tư Lang, thuận tiện hộ trì trăm họ, lại được sớm chiều kính lễ, ắt gióng Phạn âm, cảnh tinh mê muội. Thế rồi các bậc quan triều, cùng góp tiền bạc, giục thợ chuông⁽⁸⁷⁾ tính toán, sai phường đúc⁽⁸⁸⁾ lên khuôn. Phi Liêm⁽⁸⁹⁾ quạt hơi, Hồi Lộc⁽⁹⁰⁾ thổi lửa. Chất đồng sục sôi tan chảy, ánh vàng nhảy nhót tuôn trào. Kích cỡ vừa tầm, nhỏ to đúng cỡ. Hoa diệu nở trên vành miệng, đôi rồng bám ở đỉnh đầu, treo chôn bảo lâu, mùi phần vẹn vẽ, chày kinh nện khẽ, gióng giả vang lừng, tràn ngập núi rừng, thấm nhuần trời đất, mộ phần se sắt, nghiệp chướng tiêu tan, cứu giúp lầm than, ngăn trừ tham bạo, truyền cho mai hậu, dùng đến hư mòn. Nếu chẳng phải phép màu thì đâu được như vậy!

Nay kính chúc Đương kim Hoàng đế⁽⁹¹⁾, cơ đồ bền vững, ngôi báu yên bình, ơn huệ rãi đều, oai quyền nắm mãi. Thứ đến chúc Thánh Thiện Hoàng thái hậu⁽⁹²⁾, đạo vượt Ốc Đăng⁽⁹³⁾, thọ hơn Phụ Bảo⁽⁹⁴⁾. Những mong công chúa Thọ Dương: trên đài hoa báu, mãi chứng quả bồ đề, trong điện pháp lành, cùng lên hàng vương giác. Kiềm chúc song thân khảo ti⁽⁹⁵⁾ cùng các quyến thuộc:

gọi duyên lành này, siêu sinh tịnh độ. Kính cầu cho ngài Thái phó họ Dương chủ xưởng việc đúc chuông cho tới lệnh lang nổi đời trở xuống: oan khiên rửa sạch, phúc lộc dồi dào.

Chuông đã đúc xong, nên làm bài văn nêu cho mai hậu. Tôi tự xét mình kém cỏi, không rõ thể tài, dám xin làm lời minh rằng:

*Chùa chiến xây cất đã xong xuôi,
Pháp tướng kim dung đẹp tuyệt vời*

*Cảnh tịnh chuông rền vọng khắp nơi,
Thắm nhuần sâu rộng lẫn xa xôi*

*Thân tâm mỗi một thấy vui cười,
Trút gánh lo toan dặng nghỉ ngơi*

*Xích xiềng trói buộc được buông lơi,
Lửa vạc bùng bùng nấu sục sôi*

*Chủ chuông phúc hưởng mãi khôn
vời, Sóng thọ ngàn năm giữ góc trời*

Ngày 15 tháng Giêng năm thứ 4 niên hiệu Hội Tường Đại Khánh (1113) chép

Hồng Tán đại sư Thích Diên Thọ chùa Quảng Giáo Viên Minh khắc

Thừa vụ lang hiệu thư sảnh - thần Dương Văn Đĩnh viết

Viên ngoại lang Bộ Hộ sung Học sĩ Viện Tập hiền - Tứ tử Kim Ngự đại - thần Tào Lương Phụ soạn

2. QUÁ TRÌNH LƯU LẠC CỦA CHUÔNG CHÙA SÙNG KHÁNH CHÂU TƯ LANG

2.1. Tư liệu và vấn đề đặt ra

Hiện nay, ở Trung Quốc và Việt Nam đều lưu giữ được một số tư liệu về quá trình lưu lạc của SKTCM.

Về phía Trung Quốc, như *Việt Tây kim thạch lược* cũng đã dẫn, theo *Dũng tràng tiểu phẩm* 湧幢小品 của Chu Quốc Trinh 朱國禎 (1558-1632) hay

Xích nhã 赤雅 của Quảng Lộ 鄺露 (1602-1648), vào thời Minh, chuông được người dân thổ châu Thái Bình gọi là "phi lai chung", tương truyền bay từ đất châu Tư Lang của Giao Chỉ sang Quảng Tây. Khi trời tối, chuông bay xuống nước đánh nhau với rồng, đến khi trời sáng lại quay trở về chỗ cũ. Đến năm Kỉ Mão niên hiệu Chính Đức thời Minh (1519), chuông bị trộm cắt lấy phần núm treo chuông và phần vành miệng chuông, từ đó mới hết những chuyện kỳ quái⁽⁹⁶⁾. Sách *Quảng Tây thông chí* còn chép chuyện Thẩm Hi Nghĩa (1491 - 1554) 沈希儀 - viên tướng nhà Minh nổi tiếng với các cuộc trấn áp các dân tộc thiểu số ở Quảng Tây, từng sai Xá nhân Lưu Huân 劉勳 đến xem chuông, định phá lấy đồng đúc vũ khí, nhưng Lưu Huân chưa đến gần được chuông đã bị vật chết⁽⁹⁷⁾.

Trong khi đó, ở Cao Bằng (Việt Nam), cho đến cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, chúng ta cũng thấy lưu truyền một truyền thuyết tương tự, được ghi lại trong các sách *Đại Nam nhất thống chí* (ĐNNTC), *Cao Bằng thực lục* (CBTL), *Cao Bằng sự tích* (CBST)⁽⁹⁸⁾, *Đồng Khánh địa dư chí* (ĐKĐDC), *Nam Việt dư địa chí* (NVĐĐC). Do giới hạn của bài viết, xin tóm tắt những điểm chung của các ghi chép đó như sau:

Ở chùa Viên Minh (riêng ĐNNTC và NVĐĐC chép là chùa Sùng Phúc, chúng tôi sẽ bàn kỹ hơn ở phần sau) ở Cao Bằng có một quả chuông bằng đồng cao 4 thước 5 tấc. Một đêm, quả chuông ấy rơi xuống cái đầm bên cạnh chùa. Nhà sư ở chùa trông thấy có con giao long quấn quanh thân chuông, lúc chìm,

lúc nổi, làm nước trong đầm sôi sục lên, nổi một lát lại trở về nguyên chỗ cũ, rồi đêm nào cũng thế... Sau vài ngày thì không thấy quả chuông đâu cả, mà đầm ấy cũng còn không bị giao long quấy nhiễu nữa. Nhân đây gọi tên là "Đầm Chuông". Việc này xảy ra vào đời Lê Vĩnh Tộ. Đến đời Chính Hòa, có lái buôn người châu Thái Bình nước Thanh đến buôn ở Cao Bằng, nói chuyện: "Trước có quả chuông đồng từ sông Long Châu ngược dòng trôi đến Bắc Hà châu Thái Bình". Người địa phương liền đến nơi nhận kỹ, quả nhiên là chuông của địa phương mình.

Từ trước đến nay, những ghi chép kể trên trong thư tịch Việt Nam hầu như không được chú ý đến và bị coi là một dạng truyền thuyết không có căn cứ. Tuy nhiên, qua so sánh với ghi chép của các sách Trung Quốc mà chúng tôi đã dẫn ở phần trên, có thể khẳng định câu chuyện quả chuông mà các tài liệu Việt Nam nhắc đến chính là sự tích về chuông chùa Sùng Khánh - một quả chuông có thực đã lưu lạc sang đất châu Thái Bình (Quảng Tây) và còn tồn tại ở Trung Quốc cho đến tận trước Cách mạng Văn hóa. Đi sâu phân tích, có thể thấy rằng: mặc dù tồn tại rất nhiều điểm tương đồng, song giữa ghi chép trong các thư tịch của Việt Nam, cũng như giữa thư tịch của Việt Nam và thư tịch của Trung Quốc lại có một số điểm đại đồng tiêu dị như sau:

Thứ nhất, xung quanh việc chuông lưu lạc từ châu Tư Lang sang thổ châu Thái Bình, các thư tịch Việt Nam cho rằng quả chuông này xuôi theo sông Long Châu trôi từ Cao Bằng sang Thái Bình, trong khi người châu Thái Bình từ

cuối thời Minh lại cho rằng chuông bay từ Cao Bằng sang ("phi lai chung").

Thứ hai, xung quanh chuyện chuông thần đánh nhau với "long" hoặc "giao long" (cá sấu), nếu như phía Trung Quốc miêu tả đây như một chi tiết minh chứng cho thần lực của chuông, các ghi chép của Việt Nam lại có xu hướng nhấn mạnh việc chuông đánh nhau với "giao long" là nhằm giúp người dân địa phương thoát khỏi họa giao long. *CBTL* còn đi sâu hơn khi miêu tả đó là việc đánh nhau giữa con bò lao 蒲牢 (hoa kinh 花鯨) đúc trên thân chuông với loài giao long. Chi tiết này của *CBTL* chắc hẳn xuất phát từ truyền thuyết "long sinh cửu tử" 龍生九子 tồn tại khá phổ biến ở cả Trung Quốc và Việt Nam⁽⁹⁹⁾.

Thứ ba, cũng liên quan đến tính linh thiêng của chuông, người dân hai nước Trung - Việt đều có những truyền thuyết về việc chuông đã hiện oai, trừng phạt những kẻ muốn phá chuông ra sao. Các chi tiết dị biệt ở đây nằm ở đối tượng bị trừng phạt: trong câu chuyện của *Quảng Tây thông chí* là Xá nhân Lưu Huân - tay chân của Thẩm Hy Nghĩa (một viên tướng có nhiều nợ máu với người Choang) định phá chuông lấy đồng đúc vũ khí thì bị chuông vật chết. Trong khi đó, trong câu chuyện của *CBTL* và *ĐNNTC*, đại diện cho thế lực muốn phá chuông là "quan châu Thái Bình". Cả hai tài liệu đều chép về việc "chuông kêu như sấm" khi quan châu Thái Bình định sai thợ phá chuông. Thậm chí, theo *CBTL*, "có người thợ xin (đốt chày) thì mồ hôi từ chuông chảy ra như mưa, đột nhiên có tiếng kêu như sấm, đánh chết người thợ ấy"⁽¹⁰⁰⁾.

Như vậy, qua việc khảo sát tư liệu, có thể thấy trên phương diện nghiên cứu văn học - văn hóa dân gian, *SKTCM* là một trường hợp rất thú vị cho thấy rõ nét quá trình hình thành của một truyền thuyết. Xuất phát từ một vật thực (quả chuông), thông qua hoạt động đi lại, mậu dịch ở vùng biên (lái buôn Trung Quốc sang Việt Nam kể chuyện, người dân địa phương của Cao Bằng sang châu Thái Bình để tìm chuông), người dân hai phía biên giới Việt - Trung đã dần dần chia sẻ một câu chuyện truyền thuyết chung. Trên cái nền đó, cùng với thời gian, truyền thuyết lại được người dân của từng địa phương sửa đổi, sáng tạo cho phù hợp với tín ngưỡng, thực tế xã hội cũng như quan điểm chính trị của bản thân mình, và sau cùng được ghi chép lại dưới dạng văn bản và truyền lại cho đến ngày nay.

Trong khi đó, đứng từ góc độ nghiên cứu lịch sử, chúng ta có nhiệm vụ phải gạn lọc những yếu tố mang tính tâm linh, các sáng tạo mang tính văn học để làm rõ các yếu tố sử thực. Cụ thể là hai vấn đề: (1) *SKTCM* vốn ở đâu, hay nói cách khác, ngôi chùa Sùng Khánh thời Lý - nơi Dương Cảnh Thông cho đặt chuông - nằm ở đâu, (2) Chuông chùa Sùng Khánh đã lưu lạc sang đất thổ châu Thái Bình của Quảng Tây vào thời gian nào?

2.2. Vấn đề vị trí chùa Sùng Khánh thời Lý

Liên quan đến vấn đề thứ nhất, các sách *CBTL*, *CBST* và *ĐKĐDC* đều khẳng định một cách thống nhất: chuông vốn ở chùa Đà Quận, thuộc thôn Đà Quận, xã Xuân Lĩnh, châu Thạch Lâm đời Nguyễn,

nằm đối diện với đền thờ Quan Triều - Hồng Liên công chúa. Sự khẳng định này có vẻ như hợp lý vì chùa Đà Quận còn có một tên gọi khác là "Viên Minh tự" 圓明寺. Tuy nhiên, vấn đề không đơn giản như vậy. Theo những tư liệu chúng ta còn lưu giữ được, chùa Viên Minh (Đà Quận) mới được xây dựng vào triều Mạc⁽¹⁰¹⁾. Hơn nữa, mặc dù trên chuông chùa Sùng Khánh đúng là có chữ "Viên Minh tự", nhưng đó là chùa Quảng Giáo Viên Minh, là nơi tu hành của Thích Diên Thọ - nhà sư san định minh văn. Trong trường hợp này, chùa (Quảng Giáo) Viên Minh và chùa Sùng Khánh là hai ngôi chùa khác nhau vào thời Lý.

Trong bối cảnh như vậy, chúng ta cần chú ý rằng *ĐNNTC* và *NVDĐC* đặt truyền thuyết vào một ngôi chùa khác ở Cao Bằng là chùa Sùng Phúc 崇福寺. Chùa Sùng Phúc vào thời Nguyễn thuộc xã Lệnh Cấm, huyện Hạ Lang, nhưng theo *ĐNNTC* và *NVDĐC*, chùa Sùng Phúc "nguyên tên là chùa Sùng Khánh [PLH nhấn mạnh], dựng trên đỉnh núi Pò Kiên 輔 (捕) 乾山"⁽¹⁰²⁾. Không chỉ có sự trùng hợp về tên gọi "Sùng Khánh tự", *ĐNNTC* còn cho biết, sau khi người địa phương sang châu Thái Bình xác minh chuông đúng là chuông chùa, vào "đời Cảnh Hưng, dời chùa đến chỗ hiện nay [tức xã Lệnh Cấm] và đổi tên là chùa Sùng Phúc, sai soạn văn bia lược thuật việc này, bia ấy nay vẫn còn"⁽¹⁰³⁾. Tấm bia mà *ĐNNTC* nhắc đến chính là tấm bia có niên hiệu năm Cảnh Hưng thứ 43 (1782) hiện vẫn còn trong khuôn viên của chùa, ghi lại sự tích như sau: "Trên đỉnh núi Pò Kiên có ngôi chùa

Sùng Khánh vô cùng anh linh... Phòng theo sự tích để lại, chùa có hai quả chuông vàng ngự tọa, sau đó dời đi châu Thái Bình"⁽¹⁰⁴⁾.

Như vậy, chúng ta thấy rằng tư liệu sớm nhất nhắc đến vị trí *SKTCM* là tấm bia có niên đại 1782 hiện còn tại chùa Sùng Phúc. Căn cứ vào sự trùng khớp tên gọi "Sùng Khánh tự" (tên gốc của chùa Sùng Phúc) và ghi chép của *ĐNNTC*, chúng tôi cho rằng vị trí nguyên gốc của chuông *SKTCM*, hay nói cách khác là vị trí của chùa Sùng Khánh do Dương Cảnh Thông xây dựng vào thời Lý là núi Pò Kiên, phía sau làng Nà Ẽn (xã Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, Cao Bằng ngày nay). Nếu giả thuyết này là đúng, chúng ta cũng xác định được núi Pò Kiên (Cao Bằng) chính là địa danh núi Tư Lắm nổi tiếng trong lịch sử.

Một khi cho rằng *SKTCM* nằm tại chùa Sùng Khánh, chúng ta cũng phải giải quyết vấn đề tại sao các tài liệu như *CBTL*, *CBST* và *ĐKĐDC* đều nhầm lẫn sang chùa Đà Quận (chùa Viên Minh). Chúng tôi cho rằng sau khi được phát hiện tại Quảng Tây, do trên thân chuông có chữ "(Quảng Giáo) Viên Minh tự" nên người của chùa Viên Minh đã nhầm lẫn cho rằng đây là chuông của chùa Viên Minh⁽¹⁰⁵⁾.

2.3. Thời điểm chuông lưu lạc sang đất Trung Quốc

Khi tổ chức biên soạn *Việt Tây kim thạch lục*, Tạ Khải Côn đưa ra giả thuyết chuông đã được cướp về vùng nội địa Trung Quốc khi thổ quan của các châu An Bình, Tư Lăng của nhà Minh đánh nhau với thổ quan châu Tư Lang

của An Nam dưới niên hiệu Chính Thống thời Minh (1436 - 1449), tức là vào giữa thế kỷ XV. Trong khi đó, như đã dẫn ở phần trước, các nguồn tài liệu Trung Quốc như *Dũng tràng tiểu phẩm* và *Xích nhĩ* có nhắc đến các sự kiện diễn ra tại Trung Quốc vào các năm 1519 (chuông bị cắt mất quai), sự kiện Thẩm Hi Nghĩa (đầu thế kỷ XVI). Tuy nhiên, cần lưu ý rằng đó hoàn toàn có thể là những chuyện được thêm thắt vào đời sau. Chúng ta chỉ có thể khẳng định chuông đã lưu lạc sang Trung Quốc, trước thời điểm các tác giả Chu Quốc Trinh soạn xong sách *Dũng tràng tiểu phẩm*, hoặc Quảng Lộ soạn xong sách *Xích nhĩ*. Hiện nay, chúng ta không biết thời điểm chính xác biên soạn của *Xích nhĩ*, nhưng chắc chắn nó phải được hoàn thành trước khi Quảng Lộ qua đời, năm 1648. Trong khi đó, chắc chắn *Dũng tràng tiểu phẩm* đã được Chu Quốc Trinh hoàn thành về cơ bản vào năm 1621 (Thiên Khải nguyên niên), sau đó có thể được bổ sung cho đến khi Chu Quốc Trinh chết năm 1632.

Mặt khác, các nguồn tư liệu của Việt Nam lại ghi chép khá thống nhất về việc chuông đã bị mất dưới niên hiệu Vĩnh Tộ đời Lê (1619-1628), riêng *CBTL* khẳng định là vào năm Giáp Tý (1624).

Trong điều kiện tư liệu hiện nay, chúng tôi cho rằng, có khả năng chuông đã lưu lạc sang Trung Quốc vào đầu thế kỷ XVII, có thể vào năm 1624 (Lê Vĩnh Tộ thứ 6), muộn nhất cũng trước năm 1632.

3. GIÁ TRỊ CỦA *SKTCM* TRONG NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ THỜI LÝ

Theo *SKTCM*, người tổ chức đúc chuông (chung chủ) là "Phủ trung bảo tiết, Tá lí công thần Phú Lương châu thứ sử, kiêm Quảng Nguyên, Tư Lang đẳng châu Tiết độ Quan sát sứ, Kim tử quang lộc đại phu, Kiểm hiệu Thái phó, kiêm Ngự sử đại phu, đồng Trung thư Môn hạ Bình chương (thiếu 3 chữ, có lẽ chữ đầu là "sự") Hoàng Nông quận, Khai quốc công, thực ấp nhất vạn hộ, thực thực phong ngũ thiên hộ Dương Cảnh Thông".

Về nhân vật Dương Cảnh Thông, theo *Đại Việt sử lược (ĐVSL)* và *Đại Việt sử ký toàn thư (ĐVSKTT)*, tháng 5 (mùa hè) năm Hội Tường Đại Khánh thứ 8 (1117), Dương Cảnh Thông khi đó là "Lạng châu mục" (*ĐVSL*) - "phò mã lang" (*ĐVSKTT*) đã dâng hươu trắng lên Lý Nhân Tông, sau đó được phong làm Thái bảo⁽¹⁰⁶⁾. Qua ghi chép của *ĐVSKTT*, chúng ta biết trước năm 1117, Dương Cảnh Thông đã cưới một công chúa nhà Lý, nhưng không rõ là công chúa nào. Ngoài ra, theo *Tục tư trị thông giám trường biên*, tháng Giêng năm 1086 (Tổng Nguyên Hựu nguyên niên), vua Tống sai Quảng Tây Kinh lược ty gửi công văn cho vua Lý, chất vấn về việc Tri châu Quảng Nguyên của nhà Lý là Dương Cảnh Thông sai bọn Đàm An đánh sang đất Tống cướp biên dân⁽¹⁰⁷⁾. Ngoài ra, Dương Cảnh Thông còn bắt tay với thủ lĩnh Nhâm động là Nùng Thuận Thanh, can thiệp vào việc tranh giành quyền quản hạt Nhâm động giữa Nùng Thuận Thanh và Lương Hiền Trí⁽¹⁰⁸⁾.

Như vậy, ghi chép trong chính sử về Dương Cảnh Thông là hết sức sơ lược. Tuy nhiên, khi soạn *Việt giám thông*

khảo tổng luận vào thế kỷ XV, Lê Tung (tên thực là Dương Bản Bao) lại có một đánh giá rất đáng chú ý: "Còn những bậc như Đào Cam Mộc, Đào Thạc Phụ, Lương Nhậm Văn, Đào Xứ Trung, Lý Đạo Kỳ, Liêu Gia Trinh, Kim Anh Kiệt, Tào Lương Hàn, Dương Cảnh Thông, Ngụy Trọng Hoảng, Lưu Vũ Nễ, Lý Công Bình, Hoàng Nghĩa Hiền, Lý Kính Tu, không biết can vua để nêu tục tốt, cho nên chính trị không được bằng đời cổ là phải"⁽¹⁰⁹⁾. Có lẽ khi soạn phần tổng luận trên cơ sở sách *Việt giám thông khảo* của Vũ Quỳnh, Lê Tung đã có trong tay một số tài liệu về thời Lý vẫn còn lưu giữ được vào thế kỷ XV để đánh giá về vai trò của Dương Cảnh Thông, cũng như Tào Lương Hàn (Phụ), một trong những trọng thần của thời Lý.

Trong điều kiện tư liệu như vậy, bài minh chuông chùa Sùng Khánh đã cung cấp cho chúng ta nhiều thông tin quý giá về dòng họ Dương cũng như cá nhân Dương Cảnh Thông. Theo bài minh, Dương Cảnh Thông xuất thân trong một dòng họ có thế lực. Hiên tổ từng làm đến chức Thượng thư Bộ Binh, cao tổ làm đến chức Thái phó, kị tên húy là Nhật Đăng từng làm đến chức Thái bảo, ông nội (thái vương phụ 太王父) húy là Khuông 匡 làm đến chức Thiếu phó, cha (vương phụ 王父) húy là Huệ Doanh 惠盈 là người có tài văn chương. Dương Cảnh Thông tuy là con út (quí thiếu 季少) trong 3 anh em nhưng có dáng vẻ và phong thái kì vĩ, là người có tài nên được mời về kinh, cưới công chúa Thọ Dương. Thông tin này phù hợp với ghi chép Dương Cảnh Thông làm "Phò mã lang" của *ĐVSKTT*.

Minh vẫn cũng giúp khẳng định rõ hơn vai trò rất quan trọng của Dương Cảnh Thông trong hoạt động bảo vệ, ổn định khu vực biên giới phía Bắc. Theo nghiên cứu của Hoàng Xuân Hãn, năm 1079, sau nhiều lần đàm phán, nhà Tống đã trao trả cho Đại Việt “bốn châu một huyện” đã bị Quách Quì chiếm trong cuộc chiến tranh Tống - Lý. Đó là các châu Quảng Nguyên, Tư Lang, Môn, Tô Mậu và huyện Quang Lang. Người được giao làm “Tri Quảng Nguyên châu” chính là Dương Cảnh Thông. Sự kiện Dương Cảnh Thông bắt tay với thủ lĩnh Nùng Thuận Thanh và cho bọn Đàm An đánh sang Quảng Tây năm 1086 trước đây đã được Hoàng Xuân Hãn đánh giá là hành động nằm trong chính sách quấy nhiễu biên giới của nhà Lý để buộc nhà Tống phải tiếp tục hoàn trả hai động Vật Dương, Vật Ác⁽¹¹⁰⁾. Vai trò này của Dương Cảnh Thông, theo *SKTCM*, vẫn được duy trì đến năm 1113 với chức vụ Tiết độ Quan sát sứ các châu Quảng Nguyên, Tư Lang. Đến khoảng năm 1124, vai trò này được chuyển giao cho một người họ Dương khác là Dương Tự Hưng. Theo *DVSKTT*, năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 5 (1124), thủ lĩnh châu Quảng Nguyên là Dương Tự Hưng dâng “hươu trắng” lên nhà Lý⁽¹¹¹⁾.

Việc tìm thấy *SKTCM* cũng là một cứ liệu để chúng ta xem xét lại các giả thuyết về xuất thân của Phò mã Dương Tự Minh 楊嗣明. Dương Tự Minh là thủ lĩnh châu Phú Lương, được gả công chúa Diên Bình 延平公主 năm 1127, là người có công rất lớn trong việc chiêu tập dân phiêu tán ở các vùng biên giới như châu Quảng Nguyên năm 1142 - 1143, cũng như trấn áp cuộc nổi loạn của Đàm Hữu Lượng 譚

友諒 tại châu Tư Lang năm 1145. Hiện nay, tồn tại hai giả thuyết khác nhau về xuất thân của Dương Tự Minh. Một cho rằng Dương Tự Minh vốn xuất thân là nhà nghèo, một cho rằng Dương Tự Minh vốn xuất thân trong một gia đình thủ lĩnh có thế lực ở châu Phú Lương. Việc tìm thấy bài minh chuông chùa Sùng Khánh cho thấy nhiều khả năng Dương Tự Minh có liên quan đến Dương Cảnh Thông, Dương Tự Hưng cũng như dòng họ Dương tại châu Phú Lương.

Một điểm đáng chú ý khác là sự xuất hiện của địa danh "Hoàng Nông quận" trên bài minh. Năm 1977, Nguyễn Đình Chiến và Nguyễn Văn Hoàn đã tìm thấy văn bia "Sùng Khánh tự bi minh tịnh tự" có niên đại 1367 (Đại Trị thứ 10) tại thôn Nùng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang⁽¹¹²⁾. Mặc dù không nhắc gì đến sự tồn tại của chùa Sùng Khánh vào thời Lý, nhưng văn bia này lại cho biết ngôi chùa này trước được xây dựng tại "Phú Linh trường, Thông giang, Hoàng Nông hương". Nếu hương Hoàng Nông thời Trần cũng là một phần của quận Hoàng Nông thời Lý thì quận Hoàng Nông thời Lý là một khu vực khá rộng, trải dài từ huyện Hạ Lang (Cao Bằng) đến huyện Vị Xuyên (Hà Giang).

Ngoài ra, trên bài minh còn có đoạn: "chủ chuông (Dương Cảnh Thông) là người sáng lập nên Quốc" 鑄鐘主附□郎號國之所勗也. Vào thời Tây Hán, tại Trung Quốc đã xuất hiện địa danh "Hoàng Nông quận", được lập năm 113 trên địa bàn tương đương với khu vực Đông Bắc thành phố Linh Bảo, Tam Môn Hiệp của tỉnh Hà Nam. Đến năm 583 đầu thời Tùy, quận Hoàng Nông lại được đổi

tên thành "Quốc châu". "Hoàng Nông quận" hay "Quốc châu" cũng được cho là nơi phát tích của họ Dương⁽¹¹³⁾. Như vậy, phải chăng tác giả bài minh muốn liên hệ địa danh "Hoàng Nông" tại khu vực Hà Giang - Cao Bằng với "Hoàng Nông" của Trung Quốc, và do đó sử dụng chữ "Quốc quốc" để so sánh với "Quốc châu". Bên cạnh đó, việc sử dụng chữ "quốc" cho thấy tác giả bài minh cũng muốn so sánh vùng biên cương này như một tiểu quốc nằm trong trật tự sách phong - triều cống kiểu Việt Nam của nhà Lý.

KẾT LUẬN

Trong bài viết này, chúng tôi đã tiến hành những khảo cứu cơ bản về *Tư Lang châu Sùng Khánh tự chung minh*, bài minh trên quả chuông chùa Sùng Khánh thuộc châu Tư Lang có niên đại 1113 thời Lý Nhân Tông. Ngoài công việc hiệu hợp, chú thích và đưa ra bản dịch, chúng tôi cũng đã

tập hợp các tư liệu của Trung Quốc và Việt Nam, từ đó xác định vị trí gốc của chuông là chùa Sùng Khánh do Phò mã Dương Cảnh Thông xây dựng, nằm trên núi Pò Kiền (thuộc mạch núi Tư Lầm, xã Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng hiện nay). Trong điều kiện tư liệu hiện tại, chúng tôi cho rằng chuông đã lưu lạc sang thổ châu Thái Bình (Quảng Tây, Trung Quốc) vào đầu thế kỷ XVII, có thể vào năm Giáp Tý 1621, hoặc muộn nhất là năm 1632. Minh văn chuông chùa Sùng Khánh không chỉ là một tư liệu lịch sử rất quý giá, giúp chúng ta có thêm những hiểu biết về tình hình lịch sử, chính trị, ngoại giao dưới thời Lý, mà còn là một tư liệu rất hiếm có để nghiên cứu về quá trình hình thành của văn học, tín ngưỡng dân gian trong bối cảnh giao lưu, đi lại của người dân sống hai bên biên giới Việt - Trung trong chiều dài lịch sử.

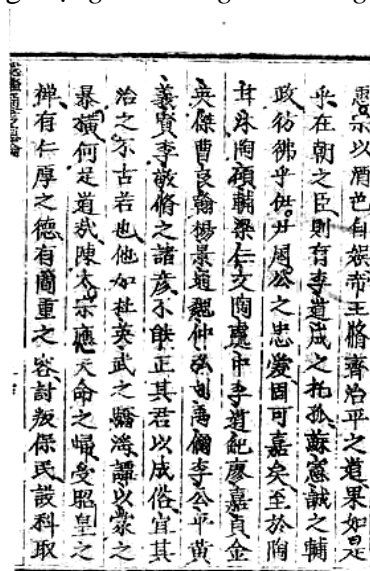
P.L.H-T.Q.Đ

PHỤ LỤC

Hình 1: Văn bản *Tư Lang châu Sùng Khánh tự chung minh* trong *Việt Tây kim thạch lục*



Hình 2: Bình luận của Lê Tung về Tào Lương Hàn và Dương Cảnh Thông trong *Việt giám thông khảo tổng luận*



Chú thích:

(1) *Văn bia thời Lý*, Nguyễn Văn Thịnh (chủ trì), Nxb. Đại học Quốc gia HN, 2010.

(2) Lương Công Hương (Tổng chủ biên), *Trung Quốc Tây Nam văn hiến từng thư*, Nxb Lan châu, 2003, Tây Nam khảo cổ văn hiến 梁公卿 (總主編). 《中國西南文獻叢書》(蘭州大學出版社, 2003 年), 西南考古文獻 quyển 8, tr.109-113.

(3) *Trung Quốc phương chí từng thư - Hoa Nam địa phương*, Nxb. Thành Văn, 1974 《中國方志叢書·華南地方》(成文出版社, 1974 年), tr. 208-211.

(4) Trong bài viết này, chúng tôi tạm lấy chiều dài thước, tấc, phân theo quy chế thời Thanh (1 phân = 32cm, 10 thước = 100 phân).

(5) *Việt Tây kim thạch lược* chép người soạn là "Tào Lương Phụ" 輔. Trong *Việt giám thông khảo tổng luận* của Lê Tung, có nhắc đến một đại thần thời Lý Cao Tông là "Tào Lương Hàn" 翰, chúng tôi ngờ là nhân vật này. Vì cả *Việt bản* và *Lôi bản* đều chép là Phụ nên nhiều khả năng *Việt giám thông khảo tổng luận* chép nhầm từ Phụ sang Hàn.

(6) "撫": *Lôi bản* chép "日".

(7) "□□□": *Lôi bản* chép khuyết 4 chữ "□□□□".

(8) "弘": dị thể của "弘".

(9) "壹": *Lôi bản* chép "壹". *Việt bản* chép "一". Sửa theo *Lôi bản*.

(10) "食實封": *Lôi bản* chép "食邑定封". Chữ "定" của *Lôi bản* ngờ là chép nhầm của chữ "寔". Chữ "食實封" xuất hiện trên *Cổ Việt thôn Diên Phúc tự bi minh* năm 1157 nên theo *Việt bản*.

(11) "伍": *Lôi bản* chép "五".

(12) "楊景通": *Lôi bản* chép "楊公洎". Chữ "楊公洎" vốn xuất hiện ở phần cuối văn bia, ngờ là *Lôi bản* chép nhầm lên đây.

(13) "捨": *Lôi bản* chép "舍".

(14) "觔": dị thể của "斤".

(15) "洪": *Lôi bản* chép "此".

(16) "一口, 畱通": *Lôi bản* chép "只留通".

(17) "□螻蟻": *Lôi bản* chép "嚙螻".

(18) "入": *Lôi bản* chép "口". *Hán thư* (q.22) phần *Lễ nhạc chí* có câu "浹肌膚而藏骨髓", ở đây ngờ vốn là chữ "浹" bị mờ nên *Việt bản* chỉ nhìn ra chữ "入".

(19) "動而常寂莫大於聲": *Lôi bản* chép "動寂莫□□□".

(20) "龍": *Lôi bản* chép "螿".

(21) "雄": *Lôi bản* chép "佛".

(22) "三千": *Lôi bản* chép "之子".

(23) "三千之界": *Lôi bản* chép "之子之界".

(24) "爾": *Lôi bản* chép "□".

(25) "注": *Việt bản* chép "□", bổ sung theo *Lôi bản*.

(26) "附□郎": *Lôi bản* chép "之□郎".

(27) "號": *Lôi bản* chép "□".

(28) "舊": Cả *Lôi bản* và *Việt bản* đều chép "奮", không có nghĩa. Câu này nhiều khả năng lấy từ câu "舊勳前烈, 垂休積慶" trong tấm bia *Lư sơn Đông Lâm tự Luật Đại đức Hy Di đại sư bi minh* 廬山東林寺律大德熙怡大師碑銘 do Hứa Nghiêu Tá 許堯佐 soạn. Đây là một áng văn rất nổi tiếng thời Đường, nay còn lưu lại trong các sách *Đường văn túy* 唐文粹 (q.62) hay *Văn uyển anh hoa* 文苑英華 (q.469) soạn đầu thời Tống. "奮" và "舊" tự dạng rất giống nhau, ở đây chúng tôi cho là chép nhầm nên đổi thành "舊".

(29) "垂休": *Lôi bản* chép "休", thiếu chữ "垂".

(30) "郡": *Lôi bản* chép "群".

(31) "祖": *Lôi bản* chép "福".

(32) "定□": *Lôi bản* chép "足□".

(33) "淵": *Lôi bản* chép "渊".

(34) "丰": *Lôi bản* dùng chữ khác nhưng bị mờ không đọc được.

(35) "伏遇先后": *Lôi bản* xuống dòng trước chữ "先", ngờ rằng trước chữ "先后" có khuyết tự thể hiện sự tôn kính.

- (36) "便": ngò là chép nhảm của chữ "偃".
- (37) "詔": *Lôi bản* chép "召".
- (38) "可作": *Lôi bản* chép "可".
- (39) "晨": *Lôi bản* chép "辰".
- (40) "禮尚壽陽公主": *Lôi bản* xuống dòng trước chữ "壽陽公主", ngò rằng trước chữ "壽陽公主" có khuyết tự thể hiện sự tôn kính.
- (41) "蒙今上禮待": *Lôi bản* xuống dòng trước chữ "今上", ngò rằng trước chữ "今上" có khuyết tự để thể hiện sự tôn kính. Nếu suy đoán 10 chữ một dòng là đúng thì ở đây có 2 khuyết tự. Thông thường khuyết tự chỉ để 1 chữ, nhưng trong trường hợp phía sau là một cụm nhiều chữ, ví dụ trong trường hợp này là 2 chữ "kim thượng" thì có thể có 2 chữ khuyết tự để 2 chữ "kim thượng" không bị dòng trên, dòng dưới.
- (42) "薦": *Lôi bản* chép "□".
- (43) "功定": *Lôi bản* chép "功功".
- (44) "妙": *Lôi bản* chép "□".
- (45) "梵宮": *Lôi bản* chép "梵".
- (46) "周圍峭": *Lôi bản* chép "周圍".
- (47) "虛": *Lôi bản* chép "靈".
- (48) "蘊崇莽蔓": *Lôi bản* chép "崇莽蔓".
- (49) "憑危跨谷，接棟連雲，香閣禪龕依巖架": chữ "棟" *Việt bản* chép "桂"; chữ "禪" *Việt bản* chép "禪", *Lôi bản* chép "神". Câu này vốn lấy từ câu "憑危跨谷，接棟連雲，香閣禪龕依巖架" trong *Biện chính luận*, đoạn miêu tả việc tu tạo chùa Thượng Phụng Lâm ở Tương Châu (q.52). Vì vậy, ở đây chúng tôi lấy câu gốc trong *Biện chính luận* để hiệu chính.
- (50) "藥": *Lôi bản* chép "葯".
- (51) "花藥之芳掩被錦，丹青之飾亂朝霞": chữ "波" *Việt bản* chép "波", *Lôi bản* chép "彼". Câu này có lẽ lấy ý từ câu "丹青之飾亂發朝霞，松竹之巔奄同被錦" của *Tục Cao tăng truyện* (q.50), vì vậy chúng tôi chọn chữ "被".
- (52) "玉題含暉，壁璫曜彩，丹楹捧日，畫拱承雲": chữ "玉" *Việt bản* chép "玉", *Lôi bản* chép "至"; chữ "暉" *Việt bản* chép "翠", *Lôi bản* chép một chữ bộ "日" nhưng bị mờ không rõ. Tuy nhiên, câu này cũng lấy từ câu "壁璫曜彩，玉題含暉，畫拱承雲，丹楹捧日" trong *Biện chính luận*, đoạn miêu tả việc xây dựng chùa Đại Hưng Quốc và Đại Hưng Thiện ở kinh đô Đại Hưng (q.52). Vì vậy, ở đây chúng tôi căn cứ vào câu gốc trong *Biện chính luận* để hiệu chính.
- (53) "林開七境之花，池注八功之水": chữ "林" *Việt bản* chép "林", *Lôi bản* chép "樹"; chữ "境" *Việt bản* chép "境", *Lôi bản* chép "竟"; chữ "池" *Việt bản* chép "池", *Lôi bản* chép "河". Câu này lấy từ câu "林開七覺之花，池漾八功之水" trong *Biện chính luận* (q.52). Ở đây chúng tôi lấy chữ "境" theo *Việt bản*, chữ "林" và "池" theo *Biện chính luận*.
- (54) "壹壹": *Lôi bản* chép "一一".
- (55) "西天": *Việt bản* chép "□天", *Lôi bản* chép "西天", đổi theo *Lôi bản*.
- (56) "踞東": *Việt bản* chép "巽授", *Lôi bản* chép "踞東", theo mạch văn đổi theo *Lôi bản*.
- (57) "琅": *Lôi bản* chép "雲".
- (58) "便□氏": *Lôi bản* chép "萬民".
- (59) "持": *Lôi bản* chép "佑".
- (60) "醮": *Lôi bản* chép "韻".
- (61) "和": *Lôi bản* không chép.
- (62) "氏": *Lôi bản* chép "民".
- (63) "冶": *Lôi bản* chép "冶", theo ý nghĩa đổi theo *Lôi bản*.
- (64) "彝範": *Lôi bản* chép "典(?)範".
- (65) "回": *Lôi bản* chép "爲".
- (66) "夔": *Lôi bản* chép "泛".
- (67) "雙": *Lôi bản* chép "双".
- (68) "綽": *Lôi bản* chép "縛".
- (69) "啓擊": *Lôi bản* chép "啓專(?)".
- (70) "韻": *Lôi bản* chép "韻".

- (71) "溢": *Lôi bản* chép "隘".
- (72) "寶祚": *Lôi bản* trước chữ "寶祚" bỏ trống một chữ khuyết tự.
- (73) Trong *Lôi bản*, trước các từ chỉ hoàng đế, hoàng hậu, công chúa đều thấy chép khuyết tự, riêng chữ "Thánh Thiện Hoàng thái hậu" ở đây lại không thấy, ngỡ rằng chỗ này *Lôi bản* chép thiếu khuyết tự nên chúng tôi bổ sung.
- (74) Trước chữ "壽陽公主" ở vị trí này, *Lôi bản* cũng không chép khuyết tự nên chúng tôi bổ sung.
- (75) "考妣": *Lôi bản* xuống dòng trước hai chữ "考妣", ngỡ là khuyết tự. Nếu một dòng có 10 chữ là đúng thì ở đây có 2 chữ khuyết tự.
- (76) "沐此良緣，永超淨土": *Việt bản* không chép hai chữ "永超", bổ sung theo *Lôi bản*.
- (77) "□而降": *Lôi bản* chép "□降".
- (78) "韻": *Lôi bản* chép "韻".
- (79) Cách ghi chức vị của Dương Cảnh Thông có nhiều điểm tương đồng với chức vị Đỗ Anh Vũ trên *Cổ Việt thôn Diên Phúc tự bi minh* (1157) ("Tá lí công thần", "Quốc công", "thực ấp" và "thực thực ấp").
- (80) "Lục tử" 六子: sáu quẻ được sinh ra bởi 2 quẻ Càn (phụ) và Khôn (mẫu) trong *Chu Dịch*, trong đó đứng đầu là quẻ Chấn.
- (81) Câu này có lẽ bắt nguồn từ điển tích Cảnh Công hỏi Yến Tử về điều đặc ý của "thánh nhân" trong sách *Yến tử Xuân thu*.
- (82) Bắt nguồn từ điển tích Tô Hiếu Tôn thời Đường chế ra nhã nhạc của nhà Đường 12 khúc (*Đường thư*, q.21, Lễ nhạc 11).
- (83) "Tam thiên chi giới" hay "Tam thiên thế giới": chỉ Tiểu thiên thế giới, Trung thiên thế giới, Đại thiên thế giới. Theo quan niệm của nhà Phật, xung quanh núi Tu Di có "thất sơn tam hải", được bao quanh bởi núi Thiết vi sơn, một thế giới như vậy gọi là "tiểu thế giới". Một nghìn tiểu thế giới như vậy tạo thành "Tiểu thiên thế giới", một nghìn "Tiểu thiên thế giới" tạo thành "Trung thiên thế giới", một nghìn "Trung thiên thế giới" tạo thành "Đại thiên thế giới".
- (84) "Nước Quắc" 虢國: xin xem thêm phần khảo văn bia.
- (85) "Tiên vương" 先后: chữ "tiên hậu" phải không chỉ hoàng hậu trước mà chỉ tiên vương. Ví dụ, phần chú của Nhan Sư Cổ trong sách *Hán thư* (q.73, Vi Hiến truyện) có câu: "先后，即先君也" (Tiên hậu tức chỉ tiên quân).
- (86) "Nùng Tiên tựa Đông Sóc" 儂先之踞東朔: chưa rõ nghĩa.
- (87) "Thợ chuông" 鳧氏: Phù thị là chức quan trông coi về âm nhạc, cũng chỉ người thợ đúc chuông (*Thư ngôn cổ sự*).
- (88) "Phường đúc": nguyên văn "đào trì" 陶冶, chỉ người thợ đúc (*Mạnh tử*).
- (89) "Phi Liêm" 飛廉: tức thần gió.
- (90) "Hồi Lộc" 回祿: tức thần lửa.
- (91) "Đương kim Hoàng đế" 當今皇帝: tức Lý Nhân Tông.
- (92) "Thánh Thiện Hoàng Thái hậu" 聖善皇太后: chỉ Linh Nhân Hoàng Thái hậu Ý Lan. Trong các nguồn sử liệu khác không thấy chép về tên hiệu Thánh Thiện Hoàng Thái hậu.
- (93) "Ôc Đăng" 握登: tương truyền là mẹ vua Thuấn.
- (94) "Phụ Bảo" 附寶: tương truyền là mẹ của Hoàng Đế.
- (95) "Song thân khảo ti" 考妣二親: chỉ cha mẹ của Dương Cảnh Thông và công chúa Thọ Dương.
- (96) 「廣西太平州有一鐘、自交趾思琅州飛來、夜常入水與龍鬪、天明復舊所、正德己卯、盜斷其鈕及唇、靈怪遂滅」(《湧幢小品》卷四·鐘鼎)

(97) 「太平飛來鐘自交趾思琅州飛至、沈希儀遣舍人劉勳相之、搥造軍器、目未及視、仆地而死」(《赤雅》卷三、伏波銅船、飛來鐘)。「飛來鐘、相傳自交趾思琅州飛來、明指揮沈希儀遣舍人劉勳往相之、欲搥取其銅、以造軍器、未至數百步、忽仆地」(《廣西通志》卷四十五·飛來鐘)

(98) *Cao Bằng thực lục* 高平實錄 do Nguyễn (Bê) Hựu Cung soạn năm 1810. *Cao Bằng sự tích* do Nguyễn Đức Nhã soạn năm 1897. *Nam Việt dư địa chí* 南越輿地誌 được soạn vào thời Thành Thái - Duy Tân. Nguyên văn chữ Hán của các tài liệu này, chúng tôi sử dụng các bản A.1129, A.89, A.2667 trong kho tư liệu của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

(99) Con Bò lao là con vật huyền thoại thường được đúc ở quai chuông. Trong truyền thuyết "long sinh cử tử", Bò lao là con thứ ba của rồng, thích âm thanh lớn.

(100) 「匠人懇與、流若梅、忽然聲怒如雷、振知匠人」(《高平實錄》神鐘事跡)。

(101) Hiện nay, tại chùa Đà Quận vẫn đang lưu giữ hai quả chuông, một có niên đại vào năm Kiên Thống thứ 19 (1611) thời Mạc. Xin xem thêm Cung Văn Lược, Chu Quang Trứ, *Văn chuông chùa Đà Quận - Viên Minh tự, một tư liệu quý về nhà Mạc ở Cao Bằng*, *Tạp chí Hán Nôm*, 11 (18)-1994.

(102) 「崇福寺、在下琅縣令禁社、原名崇慶、在輔乾山之巔」(《大南一統志》卷十二·高平省·寺觀·崇福寺)

(103) 「即至處細認是崇慶寺鍾、景興年間、寺移今所改今名、祠臣撰碑、畧迹其事、今存」(《大南一統志》卷十二·高平省·寺觀·崇福寺)

(104) Văn bia dẫn theo Nguyễn Xuân Toàn, *Chùa Sùng Phúc*, *Tạp chí Xưa & Nay*, số 380 (5), 2011.

(105) 「因使人細認其鐘、見鐘文係官朝神鐘也」(《高平實錄》神鐘事跡)。「身刻

圓明寺肆字、問鎮官經寺僧往處探果」(《同慶地輿志》高平省·名勝·春嶺寺)。

(106) 「諒州牧楊景通獻白鹿、群臣上表稱賀拜楊景通為太保」(《大越史略·卷中·仁宗》)。「駙馬郎楊景通獻白鹿」(《大越史記全書》本紀·卷三·仁宗·會祥大慶八年夏五月條)。

(107) 「元祐元年春正月庚寅朔改元(中略)辛卯、詔廣西經略司體量知廣源州楊景通遣覃安等劫虜邊民、仍移牒安靜海軍、問不遵詔敕端由」(《續資治通鑑長編》卷三百六十四、哲宗元祐元年正月條)。

(108) 「樞密院言、任峒元係儂順清父子管勾、雖因梁賢智父子占奪、不當私相讎殺、及與廣源州楊景通交通」(《續資治通鑑長編》卷四百二、元祐二年正月六月壬寅條)。

(109) 「至於陶甘沐、陶碩輔、梁任文、陶處中、李道紀、廖嘉貞、金英傑、曹良翰、楊景通、魏仲弘、劉禹儼、李公平、黃義賢、李敬脩之諸彥、不正其君以成俗宜其之不古若也」(《越鑑通考總論》)。

(110) Tham khảo thêm Hoàng Xuân Hãn, *Lịch sử ngoại giao và Tông giáo triều Lý*, Nxb. Hà Nội, 2010.

(111) 「廣源州首領楊嗣興獻白鹿」(《大越史記全書》本紀·卷三、仁宗天符睿武五年夏四月條)。

(112) Nguyễn Đình Chiển, Nguyễn Văn Hoàn, *Tám bia thời Trần ở chùa Sùng Khánh (Hà Tuyên), Những phát hiện mới về Khảo cổ học*, 1977.

(113) Ví dụ, theo mộ chí Dương Tư Húc - viên hoạn quan đàn áp khởi nghĩa Mai Thúc Loan, Dương Tư Húc vốn gốc họ Tô ở Tô Châu, sau được triều đình ban họ Dương, tước Quốc Quốc công, đổi quê (cải vọng) về đất Hoàng Nông. Về mộ chí Dương Tư Húc, xin xem thêm Phạm Lê Huy, *Khảo cứu lại khởi nghĩa Dương Thanh (819-820)*, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 12/2012./.